

Số: 30/2025/QĐST- DS

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 2, 3 và 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 7, 9 điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 92/TLST - DS ngày 14 tháng 10 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà [Trần Thị H](#); Sinh năm: 1960; Số CCCD: 042160000585; địa chỉ: [số E đường N, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông [Nguyễn Gia T](#), sinh năm 1995; Địa chỉ: [xã C, tỉnh Hà Tĩnh](#) (Theo văn bản uỷ quyền ngày 06/11/2025).

Bị đơn: Bà [Trần Thị L](#); Sinh năm: 1963; Số CCCD: 042163013298; Địa chỉ: [thôn P, xã C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà [Trần Thị Mỹ L1](#), sinh năm 1999; Địa chỉ: [thôn Đ, xã T, tỉnh Hà Tĩnh](#) (Theo văn bản uỷ quyền ngày 22/10/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông [Nguyễn Văn T1](#), Luật sư [Công ty L2](#) thuộc [Đoàn Luật sư tỉnh H](#).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà [Trần Thị H1](#); sinh năm: 1975; Số CCCD: 042175011508; Địa Chỉ: [thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà [Trần Thị H1](#): ông [Nguyễn Gia T](#), sinh năm 1995; Địa chỉ: [xã C, tỉnh Hà Tĩnh](#) (Theo văn bản uỷ quyền ngày 12/11/2025).

2. Ông [Nguyễn A](#), sinh năm 1964; Số CCCD: 042064015558; Địa chỉ: [thôn P, xã C, tỉnh Hà Tĩnh](#).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông [Trần Hữu T2](#) (Liệt sỹ hi sinh năm 1968) và bà [Phạm Thị T3](#) (chết năm 2016) có 03 người con chung là bà [Trần Thị L](#), ông [Trần Hữu H2](#) (chết năm 1991, không có vợ con) và bà [Trần Thị H](#), sau khi ông [Trần Hữu T2](#) hi sinh bà [Phạm Thị T3](#) sinh thêm bà [Trần Thị H1](#). Ngoài ra, ông [Trần Hữu T2](#) và bà [Phạm Thị T3](#) không còn người thừa kế nào khác, khi chết ông [Trần Hữu T2](#) và bà [Phạm Thị T3](#) không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống ông [Trần Hữu T2](#) và bà [Phạm Thị T3](#) tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 186, tờ bản đồ 32, diện tích 1431,1 m [thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh \(nay là thôn P, xã C, tỉnh Hà Tĩnh\)](#) và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà ở cấp 4 lợp ngói đỏ đổ bia, 01 nhà bếp tường xây lợp tôn xộp, đã được [UBND huyện C](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 165178 ngày 24/02/2014 mang tên hộ bà [Phạm Thị T3](#). Sau khi bà [Phạm Thị T3](#) chết thì bà [Trần Thị L](#) và chồng là ông [Nguyễn A](#) về sinh sống sử dụng và quản lý đất và tài sản gắn liền với đất đến nay.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng đất thực tế là 1326,9m² (trong đó 300m² đất ở và 1026,9m² đất trồng cây lâu năm, có 303,5m² đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông). Nay bà [Trần Thị L](#), bà [Trần Thị H](#), bà [Trần Thị H1](#) và ông [Nguyễn A](#) thống nhất phân chia di sản của ông [Trần Hữu T2](#) và bà [Phạm Thị T3](#) để lại cụ thể như sau:

Bà [Trần Thị L](#) được quyền sở hữu 01 nhà ở cấp 4 lợp ngói đỏ đổ bia, 01 nhà bếp tường xây lợp tôn xộp; được quyền sử dụng 807,5m² (trong đó: 150m² đất ở và 657,5m² đất trồng cây lâu năm, có 176,4m² đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông) tại thửa đất số 296, tờ bản đồ 32(118), địa chỉ [thôn P, xã C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có ranh giới như sau: Phía bắc giáp đất ông [Đặng Văn K](#) và đường giao thông; Phía nam giáp đất được chia cho bà [Trần Thị H1](#); Phía tây giáp đường giao thông; Phía đông giáp đất ông [Võ Phương T4](#). Công trình xây dựng của bà [Trần Thị L](#) được quyền sở hữu lấn sang phần đất của bà [Trần Thị H1](#) 11,7m² nên bà [Trần Thị L](#) phải tháo dỡ sau khi được chia. Tổng trị giá tài sản bà [Trần Thị L](#) được hưởng là: 636.622.750 đồng.

Bà [Trần Thị H1](#) được quyền sử dụng 228,7m² (trong đó: 75m² đất ở và 153,7m² đất trồng cây lâu năm, có 55,5m² đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông) tại thửa đất số 297, tờ bản đồ 32(118), địa chỉ [thôn P, xã C, tỉnh Hà Tĩnh](#), có ranh giới như sau: Phía bắc giáp đất được chia cho bà [Trần Thị L](#); Phía nam giáp đất được chia cho bà [Trần Thị H](#); Phía tây giáp đường giao thông; Phía đông giáp

đất ông Võ Phương T4. Tổng trị giá tài sản bà Trần Thị H1 được hưởng là: 308.561.090 đồng.

Bà Trần Thị H được quyền sử dụng 290,7m² (trong đó: 75m² đất ở và 215,7m² đất trồng cây lâu năm, có 71,6m² đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông) tại thửa đất số 298, tờ bản đồ 32(118), địa chỉ thôn P, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, có ranh giới như sau: Phía bắc giáp đất được chia cho bà Trần Thị H1; Phía nam giáp đất ông Trần Hữu H3; Phía tây giáp đường giao thông; Phía đông giáp đất ông Võ Phương T4. Tổng trị giá tài sản bà Trần Thị H được hưởng là: 312.014.490 đồng.

(Diện tích, kích thước thửa đất số 296, 297, 298 tờ bản đồ 32(118) có sơ đồ kèm theo).

Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và hợp đồng đo đạc: Tổng chi phí là 3.941.547 đồng. Bà Trần Thị L chịu 1.941.547 đồng; Bà Trần Thị H1 chịu 1.000.000 đồng; Bà Trần Thị H chịu 1.000.000 đồng. Các đương sự đã nộp đủ số tiền này.

Về án phí: Bà Trần Thị H và bà Trần Thị L đều là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị H1 phải chịu 7.714.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực I – Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn